

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 732/2025/DS-PT

Ngày: 22-9-2025

V/v tranh chấp: “Quyền về lối đi
qua”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Bà Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực IV – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 976/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp P, phường N, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1980. (chết ngày 08/9/2025)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Bùi Thị Bé T, sinh năm 1980.
2. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 2004.
3. Anh Nguyễn Thanh N1, sinh năm 2008.

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Bé T, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1935.

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Bùi Thị Bé T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố D, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là khu phố 4, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

3. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1935 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp).

4. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 2004 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L1 cùng đứng đơn khởi kiện với đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bà Võ Thị T1 với nội dung như sau: ông L có thửa đất số 264 diện tích 1997 m², bà M có thửa đất số 295 diện tích 1000 m², bà L1 có thửa đất 394 diện tích 1000 m²; đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Muốn đi từ đường công cộng vào các thửa đất bên trong của nguyên đơn phải đi qua 02 thửa đất 328 và 249 của ông Nguyễn Thanh Đ, lối đi có diện tích ngang

khoảng 1,5 mét, dài khoảng 100 mét đã có trên 30 năm và nguyên đơn sử dụng ổn định. Thời gian gần đây giữa ông Đ và ông L có mâu thuẫn nhau nên ông Đ đã rào chắn toàn bộ lối đi không cho nguyên đơn sử dụng.

Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị M và bà Võ Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh Đ mở lối đi có diện tích khoảng 150 m² qua thửa đất số 249, và thửa 328 cùng tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Thanh Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Nguyễn Thị M có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện do không có nhu cầu sử dụng lối đi chung với ông L; bà Võ Thị T1 trình bày tại phiên hòa giải ngày 26/11/2024 xin rút lại yêu cầu khởi kiện do không có nhu cầu lối đi chung với ông L.

Ngày 05/02/2025, ông Nguyễn Văn L có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ mở lối đi có diện tích 51,5 m² qua thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16 và lối đi có diện tích 39,1 m² qua thửa đất số 328, tờ bản đồ số 16; đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Thanh Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M mở lối đi có diện tích 16,3 m² qua thửa đất số 394, tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Buộc anh Nguyễn Thanh Nguyễn M1 lối đi có diện tích 16,1 m² qua thửa đất số 393, tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do anh Nguyễn Thanh N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Ông Nguyễn Thành Đ1 trình bày tại tờ tự khai và các phiên hòa giải xác định: ông không đồng ý mở lối đi qua 02 thửa đất là tài sản của ông. Ông Đ1 đồng ý bán cho ông L và bà L1 diện tích đất ngang 01 mét hết chiều dài của 02 thửa đất 328 và 249, yêu cầu ông L và bà L1 thanh toán giá trị đất số tiền 500.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Bé T trình bày: Thống nhất lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Thanh Đ.

Bà Nguyễn Thị M trình bày: bà không đồng ý mở lối đi qua thửa đất của bà. Bà đồng ý bán cho ông L và bà L1 diện tích đất ngang 01 mét hết chiều dài của thửa đất 394, yêu cầu ông L và bà L1 thanh toán giá trị đất cho bà số tiền 50.000.000 đồng.

Bà Võ Thị T1 trình bày: Bà đồng ý cho ông L và bà L1 đi qua thửa đất của bà chiều ngang 01 mét, không yêu cầu thanh toán tiền. Ngày 26/01/2025, bà Võ Thị T1 trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ xác định bà đã tặng cho thửa đất 393 cho anh Nguyễn Thanh N.

Bà Võ Thị T1: Anh Nguyễn Thanh N đồng ý mở lối đi ngang 01 mét, dài 16,1 mét trên thửa đất 393 tờ bản đồ 16, yêu cầu ông L, bà L1 trả trị giá đất cho anh Nguyễn L2 50.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu Vực IV – Đồng Tháp) đã quyết định áp dụng: Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26 và 133 của Luật đất đai; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T1 và bà Nguyễn Thị M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lữ .

- Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Bùi Thị Bé T mở lối đi có diện tích 51,5 m² qua thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16 và lối đi có diện tích 39,1 m² qua thửa đất số 328, tờ bản đồ số 16; đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Buộc anh Nguyễn Thanh Nguyễn M1 lối đi có diện tích 16,1 m² qua thửa đất số 393, tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

- Buộc bà Nguyễn Thị M mở lối đi có diện tích 16,3 m² qua thửa đất số 394, tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Lữ .

Vị trí, diện tích lối đi qua các thửa đất được thể hiện trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/10/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C đính kèm bản án.

2/- Ghi nhận ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện thanh toán cho những người có tên sau đây, số tiền như sau:

- Ông Nguyễn Thanh Đ và bà Bùi Thị Bé T số tiền 41.891.183 đồng;
- Bà Nguyễn Thị M số tiền 6.614.049 đồng;
- Anh Nguyễn Thanh N số tiền 6.011.621 đồng do bà Võ Thị T1 đại diện nhận tiền.

3/- Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký xác lập quyền về lối đi qua các thửa đất liên kế 249, 328, 393, 394 cùng tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo quy định của Luật đất đai

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/4/2025, bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: ông Đ yêu cầu nguyên đơn bồi thường số tiền 157.500.000 đồng.

Ngày 28/4/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu nguyên đơn bồi thường số tiền 35.000.000 đồng.

Ngày 28/4/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Anh Nguyễn yêu C nguyên đơn bồi thường số tiền 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M, anh N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Phía ông L, bà L1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho phía bà M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Đ số tiền 2.000.000 đồng chi phí làm hàng rào. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của các đương sự không có căn cứ, bởi lẽ lỗi đi mà nguyên đơn xin mở qua đất của ông Đ, bà M, anh N là lỗi đi duy nhất để ra đương công cộng, cấp sơ thẩm căn cứ giá trị đất theo giá thị trường tại địa phương để buộc nguyên đơn hoàn giá trị là phù hợp pháp luật, những người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc ông L, bà L1 trả giá trị đất phần lỗi đi được mở nhưng không buộc nghĩa vụ chịu án phí là thiếu sót, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về phần án phí của ông L, bà L1. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hỗ trợ thêm cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Đ và bà M số tiền làm hàng rào là 2.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thanh Nguyễn N1 lỗi đi qua các thửa đất mà ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thanh N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu phố M,

Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Quyền về lối đi qua*”, và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 17/4/2025 Tòa án nhân dân thị xã C xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 28/4/2025, ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh N kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Nguyễn Thanh Đ chết ngày 08/9/2025, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Bùi Thị Bé T, anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh N1 có đại diện theo pháp luật là bà Bé T, bà Võ Thị T1 đã tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm và đã có ý kiến trình bày, do đó Tòa án xét xử phúc thẩm không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

[2] Về nội dung:

Ông L có thửa đất số 264, diện tích 1997m², bà L1 có thửa đất 394, diện tích 1000m²; đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C. Muốn đi từ đường công cộng vào các thửa đất của nguyên đơn thì phải đi qua 02 thửa đất 328 và 249 của ông Nguyễn Thanh Đ, qua thửa đất số 394 của bà Nguyễn Thị M, qua thửa đất số 393 của anh Nguyễn Thanh N, lối đi có chiều ngang khoảng 01m, dài khoảng 153m. Các đương sự trong vụ án có quan hệ họ hàng thân tộc (bà T1 là mẹ của ông L, bà L1, anh Đ và bà M, anh Nguyễn là con của ông Đ), ngoài lối đi mà ông L, bà L1 xin mở thì không còn lối đi nào khác thuận tiện hơn để đi từ đất của ông L, bà L1 ra đường công cộng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L1 để buộc ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thanh Nguyễn M1 lối đi cho ông L, bà L1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 254 Bộ luật Dân sự.

Xét kháng cáo của các đương sự, Tòa sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả định giá đất ngày 15/10/2024 của Công ty TNHH K1 theo giá thị trường tại địa phương vào thời điểm tranh chấp để ghi nhận nguyên đơn hoàn giá trị cho các chủ sử dụng đất bị thiệt hại khi mở lối đi là có căn cứ. Anh Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thanh N kháng cáo yêu cầu bồi thường mức cao hơn nhưng không có chứng cứ chứng minh, không cung cấp giá thực tế nào mới cao hơn nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ phía bà M, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Đ số tiền 2.000.000 đồng để làm làm rào cặp lối đi, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp pháp luật có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông L, bà L1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị lối đi, không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm không buộc ông L, bà L1 chịu phần án phí này là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại.

Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử sơ thẩm nên những người kháng cáo gồm anh Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà T, bà T1, anh N, anh N1), bà M, anh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Bùi Thị Bé T, anh Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị T1), bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Thanh N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp).

Áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 74, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26 và Điều 133 của Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T1 và bà Nguyễn Thị M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1.

- Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Thanh Đ (gồm bà Bùi Thị Bé T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh N1, Võ Thị T1) và bà Bùi Thị Bé T mở lối đi có diện tích 51,5 m² qua thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16 và diện tích 39,1 m² qua thửa đất số 328, tờ bản đồ số 16; đất tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp) cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1.

- Buộc anh Nguyễn Thanh Nguyễn M1 lối đi có diện tích 16,1 m² qua thửa đất số 393, tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp) cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1;

- Buộc bà Nguyễn Thị M mở lối đi có diện tích 16,3 m² qua thửa đất số 394, tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp) cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1.

Vị trí, diện tích lối đi qua các thửa đất được thể hiện trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/10/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C đính kèm bản án.

3. Ghi nhận ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện thanh toán cho những người có tên sau đây, số tiền như sau:

- Ông Nguyễn Thanh Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Bùi Thị Bé T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh N1, Võ Thị T1) và bà Bùi Thị Bé T số tiền 41.891.183 đồng;

- Bà Nguyễn Thị M số tiền 6.614.049 đồng;

- Anh Nguyễn Thanh N số tiền 6.011.621 đồng do bà Võ Thị T1 đại diện nhận tiền.

- Ghi nhận ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện hỗ trợ cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Đ (gồm bà Bùi Thị Bé T, anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh N1, bà Võ Thị T1), bà Nguyễn Thị M số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký xác lập quyền về lối đi qua các thửa đất liên kề 249, 328, 393, 394 cùng tờ bản đồ số 16 tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp) theo quy định của Luật đất đai.

5. Về án phí.

5.1 Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 2.725.842 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông L và bà L1 đã nộp tạm ứng án phí là 900.000 đồng theo các biên lai thu số 0004929 và biên lai số 0004928 cùng ngày 17/6/2024 và biên lai thu số 0005092 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp), cản trừ nên ông L và bà L1 còn phải nộp tiếp 1.825.842 đồng án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Bùi Thị Bé T, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh N1, Võ Thị T1) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Thanh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000806 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp), nên xem như anh Đ đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000807 ngày 29/4/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp), nên xem như anh N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0004927 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp), nên xem như bà M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5.2 Về án phí phúc thẩm: Anh Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà T, bà T1, anh N, anh N1), bà M, anh N không phải chịu án phí phúc thẩm. H lại cho bà Nguyễn Thị M 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000808 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng